



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

VAN PHÁT HƯNG

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Số: 14 /CV/2021-VPH

V/v: Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính năm 2020 sau kiểm toán so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Vạn Phát Hưng (Mã chứng khoán: VPH) xin được giải trình biến động Kết quả kinh doanh (“KQKD”) trên Báo cáo tài chính năm 2020 (“BCTC”) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn UHY - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh như sau:

I. Biến động kết quả kinh doanh BCTC năm 2019 sau hồi tố :

ĐVT: đồng

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Năm 2019, Năm 2019 (sau hồi tố), Chênh lệch (+) tăng;(-) giảm, Ghi Chú. Rows include I. Báo cáo riêng and II. Báo cáo hợp nhất with various financial metrics.

II. Biến động kết quả kinh doanh BCTC năm 2020 sau kiểm toán so với BCTC năm 2019:

ĐVT : đồng

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Năm 2019 (sau hồi tố), Năm 2020, Chênh lệch (+) tăng;(-) giảm, Tỷ lệ. Rows show profit after tax for 2019 and 2020 with percentage changes.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

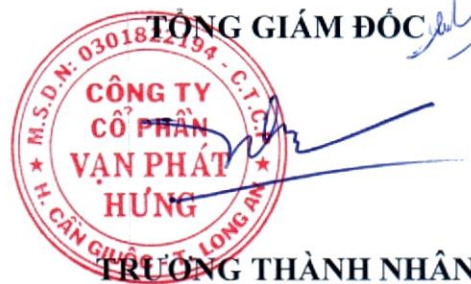
Trụ sở: MB.105, Lô DV3, KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An VPĐD: Tầng 1, Tulip Tower, Số 15 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM ĐT: (028) 3785 0011 - 3785 8888 - Fax: (028) 3785 4422 - Email: contact@vanphathung.com.vn

Lợi nhuận sau thuế TNDN riêng và hợp nhất năm 2020 (sau kiểm toán) giảm lần lượt 39% và 61% so với cùng kỳ năm 2019 nguyên nhân do :

- Mặc dù doanh thu và lợi nhuận gộp năm 2020 tăng nhưng chi phí tài chính (phục vụ nguồn vốn lưu động) trong năm cũng tăng 19 tỷ làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh không thay đổi.
- Sụt giảm lợi nhuận từ việc ghi nhận doanh thu các sản phẩm còn lại của dự án khu dân cư Nhơn Đức, Chung cư Hoàng Quốc Việt, Chung cư La casa do giảm giá hàng bán.
- Việc thanh lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Quận 7 và thu nhập khác đã mang về lợi nhuận đáng kể trong năm 2019 (26 tỷ) trong khi năm 2020 là không có.
- Thuế TNDN trong năm 2020 giảm 4,5 tỷ so với năm 2019 do lợi nhuận trước thuế giảm.

Trên đây là giải trình của Chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong BCTC riêng và hợp nhất năm 2020

Trân trọng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng,
Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 – 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 – 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	13 – 53

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 từ trang 8 đến trang 53 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Vạn Phát Hưng được thành lập 09/09/1999 bởi hai sáng lập viên là ông Võ Anh Tuấn và ông Trần Văn Thành. Tháng 10/2006, Công ty TNHH Vạn Phát Hưng được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng.

Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301822194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2006, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 30 vào ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 18/11/2020, có địa chỉ tại: Tầng trệt, Tulip Tower, 15 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây dựng, cung cấp dịch vụ và bán sản phẩm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Anh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Trương Thành Nhân	Thành viên	
Ông Vũ Ngọc Nam	Thành viên	Thôi nhiệm từ ngày 14/07/2020
Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	Thành viên	
Bà Trần Thu Oanh	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 28/04/2020
Bà Nguyễn Thị Lệ Hà	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm từ ngày 08/05/2020

Ban Kiểm soát (*)

Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 07/05/2020
Bà Trần Thanh Phương Trang	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm từ ngày 07/05/2020
Bà Trần Như Sương	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm từ ngày 07/05/2020

(*) Để hoạt động theo mô hình mới, Ban Kiểm soát đã được giải thể và miễn nhiệm tư cách trưởng ban và các thành viên kể từ ngày 07/05/2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 của Công ty ngày 07/05/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)****Tiểu ban Kiểm toán nội bộ**

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2020/NQ-VPH ngày 12/05/2020 về việc thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tiểu ban gồm có các thành viên như sau:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hà Trưởng ban
Bà Trần Thanh Phương Trang Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Thành Nhân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2020
Ông Võ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Thôi nhiệm từ ngày 01/04/2020
Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 08/03/2021
Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Duy Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	Thôi nhiệm từ ngày 01/03/2021

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Lê Thị Kim Luyến.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020 là Ông Võ Anh Tuấn, từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Thành Nhân.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP.HCM.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng,
Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Thành Nhân

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Số: 029 /2021/UHYHCM - BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 8 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến mục số 3.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 30/03/2020.

Các vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Lương Ngô Bảo Trân
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1828-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		813.441.376.446	1.124.991.966.982
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.674.985.847	32.056.260.365
Tiền	111		3.674.985.847	32.056.260.365
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	131.688.000	5.131.753.500
Chứng khoán kinh doanh	121		1.440.800.000	6.440.929.839
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.309.112.000)	(1.309.176.339)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		428.492.199.619	617.502.979.425
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.086.821.340	41.845.139.043
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.999.533.977	22.831.092.333
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	28.870.025.200	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	353.660.084.102	550.951.013.049
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(124.265.000)	(124.265.000)
Hàng tồn kho	140	12	381.100.502.980	469.777.568.836
Hàng tồn kho	141		381.100.502.980	469.777.568.836
Tài sản ngắn hạn khác	150		42.000.000	523.404.856
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.000.000	504.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	19.404.856
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.080.436.652.260	699.592.940.247
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.300.746.134	2.146.512.762
Phải thu dài hạn khác	216	10	2.300.746.134	2.146.512.762
Tài sản cố định	220		9.528.287.966	13.689.385.748
Tài sản cố định hữu hình	221	14	9.528.287.966	13.689.385.748
- Nguyên giá	222		41.831.004.360	41.712.722.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.302.716.394)	(28.023.336.794)
Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		30.499.300	30.499.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.499.300)	(30.499.300)
Bất động sản đầu tư	230	16	9.295.755.421	15.544.433.545
- Nguyên giá	231		15.945.571.830	21.499.711.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.649.816.409)	(5.955.278.285)
Tài sản dở dang dài hạn	240		50.534.785.324	50.391.530.777
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	49.948.876.233	49.896.530.777
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		585.909.091	495.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	1.000.352.108.000	609.396.108.000
Đầu tư vào công ty con	251		987.352.108.000	599.396.108.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.424.969.415	8.424.969.415
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	8.424.969.415	8.424.969.415
TỔNG TÀI SẢN	270		1.893.878.028.706	1.824.584.907.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		815.367.046.166	779.327.717.203
Nợ ngắn hạn	310		689.445.878.166	778.806.549.203
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.351.515.445	2.415.878.662
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	124.012.315.086	116.992.496.305
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	19.838.727.340	10.417.822.629
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	60.848.275.181	62.220.157.539
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	164.446.769.478	301.993.992.365
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	307.444.000.000	274.584.404.135
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.504.275.636	10.181.797.568
Nợ dài hạn	330		125.921.168.000	521.168.000
Phải trả dài hạn khác	337	23	125.400.000.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		521.168.000	521.168.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.078.510.982.540	1.045.257.190.026
Vốn chủ sở hữu	410	25	1.078.510.982.540	1.045.257.190.026
Vốn góp của chủ sở hữu	411		953.578.000.000	953.578.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		953.578.000.000	953.578.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.002.264.126	1.002.264.126
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.930.718.414	90.676.925.900
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		90.676.925.900	36.404.834.682
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		33.253.792.514	54.272.091.218
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.893.878.028.706	1.824.584.907.229

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Hoa

Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Duyên

Tổng Giám đốc



Trương Thành Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	273.818.705.165	158.901.115.557
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.078.156.889	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		264.740.548.276	158.901.115.557
Giá vốn hàng bán	11	27	157.463.493.091	68.993.854.539
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.277.055.185	89.907.261.018
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.199.180.148	564.758.407
Chi phí tài chính	22	29	30.729.129.843	11.048.984.080
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.533.296.343	10.850.989.980
Chi phí bán hàng	25	30	654.718.269	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	32.176.713.040	34.005.146.695
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.915.674.181	45.417.888.650
Thu nhập khác	31	31	2.136.391.135	28.642.629.745
Chi phí khác	32	32	2.541.313.594	2.488.608.106
Lợi nhuận khác	40		(404.922.459)	26.154.021.639
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.510.751.722	71.571.910.289
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	11.578.310.381	16.055.730.432
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	232.748.928
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.932.441.341	55.283.430.929

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Duyên

Tổng Giám đốc



Trương Thành Nhân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	sau hồi tố VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		45.510.751.722	71.571.910.289
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.973.917.724	4.999.533.987
Các khoản dự phòng	03		(64.339)	(107.863.380)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(826.858.330)	(564.758.407)
Chi phí lãi vay	06		29.533.296.343	10.850.989.980
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		79.191.043.120	86.749.812.469
Giảm các khoản phải thu	09		217.523.712.126	307.848.413.323
Giảm hàng tồn kho	10		88.624.720.400	75.518.799.089
(Giảm) các khoản phải trả	11		(404.784.040)	(95.924.812.686)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		462.000.000	(504.000.000)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13		129.839	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.088.847.925)	(30.538.293.936)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.760.719.729)	(52.259.049.917)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.015.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(356.170.759)	(17.930.492.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		347.191.083.032	272.961.390.684
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(209.190.909)	(533.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.181.818.182	-
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(53.093.954.950)	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.223.929.750	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(387.956.000.000)	(137.648.300.000)
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		421.444.512	454.313.963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(408.431.953.415)	(142.726.986.037)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	sau hồi tố VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		395.510.511.077	265.502.204.135
Tiền trả nợ gốc vay	34		(362.650.915.212)	(349.847.894.560)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(60.682.650.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32.859.595.865	(145.028.341.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.381.274.518)	(14.793.936.478)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	32.056.260.365	46.850.196.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	3.674.985.847	32.056.260.365

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Luyến

Tổng Giám đốc



Trương Thành Nhân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Vạn Phát Hưng được thành lập 09/09/1999 bởi hai sáng lập viên là ông Võ Anh Tuấn và ông Trần Văn Thành. Tháng 10/2006, Công ty TNHH Vạn Phát Hưng được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng.

Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301822194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2006, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 30 vào ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 là 953.578.000.000 đồng, được chia thành 95.357.800 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước, KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 18/11/2020, có địa chỉ tại: Tầng trệt, Tulip Tower, 15 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/09/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là VPH.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây dựng, cung cấp dịch vụ và bán sản phẩm.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản. Tiến độ thực hiện và bàn giao các dự án sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

Công ty có 04 Công ty con và 01 Công ty liên kết như được nêu tại mục 17 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố và phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay (*chi tiết tại mục 37, 38 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng*).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (chi phí xây dựng thành phẩm bất động sản để bán) được trình bày tại chỉ tiêu "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn".

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 15
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	05 – 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. TSCĐ vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán bất động sản, cung cấp dịch vụ và hoạt động xây dựng.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HÙNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước,
KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.296.824.647	1.026.881.045
Tiền gửi ngân hàng	2.378.161.200	31.029.379.320
Cộng	3.674.985.847	32.056.260.365

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2020 (VND)			Tại 01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>						
- Cổ phiếu NH TMCP Đông Á (*)	1.440.800.000	131.688.000	(1.309.112.000)	1.440.800.000	131.688.000	(1.309.112.000)
- Cổ phiếu NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	129.839	69.000	(64.339)
- Trái phiếu NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Chợ Lớn (**)	-	-	-	3.000.000.000	-	-
- Trái phiếu NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc HCM (**)	-	-	-	2.000.000.000	-	-
Cộng	1.440.800.000	131.688.000	(1.309.112.000)	6.440.929.839	131.757.000	(1.309.176.339)

(*) Tại ngày 31/12/2020, Công ty nắm giữ 42.480 cổ phiếu. Công ty không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá giao dịch của cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán do đây là cổ phiếu được giao dịch trên thị trường phi tập trung. Công ty cũng không thu thập được báo cáo tài chính của Ngân hàng để làm cơ sở xem xét trích lập bổ sung/ hoàn nhập dự phòng, do đó Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc trừ dự phòng.

(**) Trong năm 2020, các trái phiếu này đã được cầm cố để đảm bảo các khoản vay nên Công ty đã phân loại sang Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	40.086.821.340	41.845.139.043
- Khách mua căn hộ cụm chung cư La casa	4.375.964.237	9.392.817.117
- Khách mua căn hộ cụm chung cư Phú Mỹ	760.386.900	760.386.900
- Khách mua căn hộ cụm chung cư Sài Gòn Mới	177.000.000	177.000.000
- Khách mua căn hộ chung cư Hoàng Quốc Việt	7.280.675.250	14.505.822.260
- Khách mua nền Nhơn Đức	23.897.253.226	14.125.045.226
- Phải thu khách hàng khác	3.595.541.727	2.884.067.540
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.487.874.027	4.717.379.100
- Cty CP Xây dựng Thuận Hưng	976.951.727	52.800.000
- Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	1.765.267.000	1.765.267.000
- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	76.835.300	230.492.100
- Bà Phan Tiết Hồng Hà	2.668.820.000	2.668.820.000
Cộng	40.086.821.340	41.845.139.043

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.999.533.977	22.831.092.333
- Công ty CP Xây dựng Thuận Hưng	3.000.000.000	20.350.289.905
- Công ty TNHH TM - DV - VT Minh Minh Khoa	839.083.000	-
- Trả trước cho người bán khác	2.160.450.977	2.480.802.428
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	3.000.000.000	20.350.289.905
- Công ty CP Xây dựng Thuận Hưng	3.000.000.000	20.350.289.905

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	28.870.025.200	-	2.000.000.000	-
- Ông Võ Hoàng Thanh và bà Nguyễn Thị Kim Xuân (1)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Bà Lý Yến Nhi (2)	17.270.025.200	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư TM DV An Hưng (3)	9.600.000.000	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)

- (1) Khoản cho vay theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/04/2017, lãi suất 0%.
- (2) Khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay số 01/HĐCV/2020 ngày 02/01/2020, hạn mức 40 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm.
- (3) Khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay số 01/HĐVV-AH/2020, hạn mức 15 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm.

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	353.660.084.102	(124.265.000)	550.951.013.049	(124.265.000)
<i>a. Tạm ứng để thu mua quyền sử dụng đất, nhà (1)</i>	<i>168.882.149.620</i>	<i>-</i>	<i>252.028.288.087</i>	<i>-</i>
- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	34.237.675.000	-	51.706.475.000	-
- Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	23.384.374.620	-	35.384.374.620	-
- Ông Lê Minh Triều	106.532.100.000	-	102.821.000.000	-
- Bà Trần Như Sương	4.338.600.000	-	4.338.600.000	-
- Bà Trần Thụy Bảo Trân	389.400.000	-	57.777.838.467	-
<i>b. Tạm ứng công tác khác</i>	<i>1.959.403.052</i>	<i>(124.265.000)</i>	<i>3.861.630.752</i>	<i>(124.265.000)</i>
- Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	850.000.000	-	2.984.468.000	-
- Các cá nhân khác	1.109.403.052	(124.265.000)	877.162.752	(124.265.000)
<i>c. Phải thu khác để thu mua quyền sử dụng đất, nhà (1)</i>	<i>167.435.104.500</i>	<i>-</i>	<i>93.437.375.850</i>	<i>-</i>
- Bà Võ Thị Thùy Trinh	53.862.715.000	-	49.309.800.000	-
- Bà Dương Thị Lệ Thùy	3.925.200.000	-	3.925.200.000	-
- Ông Trần Hải Phương	1.962.000.000	-	1.962.000.000	-
- Ông Tạ Khánh Hùng	14.251.120.000	-	14.251.120.000	-
- Ông Châu Quang Điền	3.517.800.000	-	3.517.800.000	-
- Ông Lý Chí Nguyễn	10.954.640.000	-	10.954.640.000	-
- Bà Lý Yến Nhi	78.961.629.500	-	9.516.815.850	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
d. Phải thu khác	15.383.426.930	-	14.123.718.360	-
- Trường ĐH Sư phạm Thể dục Thể thao TP.HCM (2)	10.082.700.000	-	10.082.700.000	-
- Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP.HCM (2)	1.772.300.000	-	1.772.300.000	-
- Công ty CP Phát triển Hạ tầng Sài Gòn	342.727.600	-	508.653.600	-
- Lãi trái phiếu dự thu	97.643.835	-	110.444.444	-
- Bà Lý Yến Nhi - lãi cho vay	1.701.091.800	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư TM DV An Hưng - lãi cho vay	89.444.445	-	-	-
- Phải thu khác	1.297.519.250	-	1.649.620.316	-
e. Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	187.500.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Hạ tầng Sài Gòn (3)	-	-	187.500.000.000	-
Dài hạn	2.300.746.134	-	2.146.512.762	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	202.265.476	-	48.032.104	-
- Thuế TNDN tạm nộp	2.098.480.658	-	2.098.480.658	-
Cộng	355.960.830.236	(124.265.000)	553.097.525.811	(124.265.000)

(1) Các khoản tạm ứng cho nhân viên và cho các cá nhân khác để mua quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở được Ban Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT của Công ty phê duyệt và bảo lãnh thanh toán trong trường hợp giá trị thu hồi thấp hơn giá trị tạm ứng. Tại ngày 31/12/2020, các quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nêu trên chưa được chuyển giao cho Công ty.

(*) Trong đó, các quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hình thành từ tạm ứng của ông Lê Minh Triều đang được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn (xem thêm tại Thuyết Minh số 24).

Ngoài ra, các quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hình thành từ tạm ứng của ông Võ Nguyễn Như Nguyễn và phải thu khác của ông Tạ Khánh Hùng đang được Công ty Cổ phần Thương mại DV Du lịch C.T.C mượn để thế chấp cho các khoản vay của công ty này tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn (xem thêm tại thuyết Minh số 23).

(2) Các khoản phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng tại dự án khu dân cư tại Xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, TP.HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- (3) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/01/2016 để thực hiện việc nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, TP.HCM. Trong năm 2020, Công ty đã chỉ định các cá nhân thay mặt Công ty để ký hợp đồng nhận chuyển nhượng trực tiếp với Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn. Ngày 14/05/2020, hai bên đã ký Phụ lục số 03 về việc điều chỉnh diện tích khu đất chuyển nhượng từ 180.000 m² giảm còn 145.720 m². Đến ngày 31/12/2020, việc nhận chuyển nhượng đã hoàn tất.

11. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	124.265.000	-	124.265.000	-
- Trên 03 năm	124.265.000	-	124.265.000	-

12. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	362.138.270.880	-	469.055.074.736	-
Hàng hóa	18.962.232.100	-	722.494.100	-
Cộng	381.100.502.980	-	469.777.568.836	-

Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

12. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án khu chung cư Phú Thuận (Lacasa)	32.121.045.954	-	122.437.492.897	-
Dự án khu dân cư Nhơn Đức	14.277.307.674	-	33.067.296.167	-
Dự án khu dân cư Phú Mỹ	64.738.308.913	-	64.501.616.717	-
Dự án khu dân cư Phú Xuân	70.628.057.779	-	69.908.057.779	-
Dự án khu dân cư Quận 2	120.453.870.003	-	118.408.201.361	-
Dự án chung cư Hoàng Quốc Việt	13.546.201.083	-	24.402.987.376	-
Dự án khu nhà ở Nhơn Đức mở rộng	45.995.023.081	-	36.132.315.146	-
Các dự án khác	378.456.393	-	197.107.293	-
Cộng	362.138.270.880	-	469.055.074.736	-

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án khu dân cư Hiệp Phước	42.150.900.000	-	42.150.900.000	-
Dự án Quận 9	6.449.630.777	-	6.449.630.777	-
Dự án khu chung cư Phú Thuận 2	1.216.000.000	-	1.216.000.000	-
Nhà trẻ Phú Xuân	132.345.456	-	80.000.000	-
Cộng	49.948.876.233	-	49.896.530.777	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2020	1.313.317.956	22.244.606.977	15.657.255.895	977.494.706	1.520.047.008	41.712.722.542
- Mua trong năm	-	-	-	87.981.818	30.300.000	118.281.818
Tại 31/12/2020	<u>1.313.317.956</u>	<u>22.244.606.977</u>	<u>15.657.255.895</u>	<u>1.065.476.524</u>	<u>1.550.347.008</u>	<u>41.831.004.360</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2020	(1.313.317.956)	(18.379.227.924)	(6.538.797.482)	(907.266.697)	(884.726.735)	(28.023.336.794)
- Khấu hao trong năm	-	(2.168.497.428)	(1.852.126.704)	(39.037.634)	(219.717.834)	(4.279.379.600)
Tại 31/12/2020	<u>(1.313.317.956)</u>	<u>(20.547.725.352)</u>	<u>(8.390.924.186)</u>	<u>(946.304.331)</u>	<u>(1.104.444.569)</u>	<u>(32.302.716.394)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	-	3.865.379.053	9.118.458.413	70.228.009	635.320.273	13.689.385.748
Tại 31/12/2020	-	<u>1.696.881.625</u>	<u>7.266.331.709</u>	<u>119.172.193</u>	<u>445.902.439</u>	<u>9.528.287.966</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 4.190.382.799 đồng.

Công ty không dùng tài sản cố định hữu hình để thế chấp làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay.

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý nhân sự được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Tại ngày 01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
<u>A) BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ</u>				
Nguyên Giá	10.418.071.830	-	-	10.418.071.830
- Cơ sở hạ tầng	10.418.071.830	-	-	10.418.071.830
Giá trị hao mòn lũy kế	(5.955.278.285)	(694.538.124)	-	(6.649.816.409)
- Cơ sở hạ tầng	(5.955.278.285)	(694.538.124)	-	(6.649.816.409)
Giá trị còn lại	4.462.793.545	(694.538.124)	-	3.768.255.421
- Cơ sở hạ tầng	4.462.793.545	(694.538.124)	-	3.768.255.421
<u>B) BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</u>				
Nguyên Giá	11.081.640.000	-	(5.554.140.000)	5.527.500.000
- Nhà và quyền sử dụng đất	11.081.640.000	-	(5.554.140.000)	5.527.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	11.081.640.000	-	(5.554.140.000)	5.527.500.000
- Nhà và quyền sử dụng đất	11.081.640.000	-	(5.554.140.000)	5.527.500.000
<u>TỔNG BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</u>				
Nguyên Giá	21.499.711.830	-	(5.554.140.000)	15.945.571.830
Giá trị hao mòn lũy kế	(5.955.278.285)	(694.538.124)	-	(6.649.816.409)
Giá trị còn lại	15.544.433.545	(694.538.124)	(5.554.140.000)	9.295.755.421

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là tầng hầm chung cư Phú Mỹ và hồ bơi block 1A-1B cụm chung cư La casa.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là căn nhà thuộc sở hữu của Công ty. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2020 (VND)			Tại 01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	987.352.108.000	-	987.352.108.000	599.396.108.000	-	599.396.108.000
+ Cty CP TM DV Du lịch C.T.C (1)	179.867.808.000	-	179.867.808.000	159.907.808.000	-	159.907.808.000
+ Cty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình	144.640.000.000	-	144.640.000.000	144.640.000.000	-	144.640.000.000
+ Cty CP Đầu tư TM DV An Hưng (2)	267.300.000.000	-	267.300.000.000	267.300.000.000	-	267.300.000.000
+ Cty CP Bất động sản Nhà Bè (3)	395.544.300.000	-	395.544.300.000	27.548.300.000	-	27.548.300.000
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.000.000.000	-	8.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
+ Cty CP Xây dựng Thuận Hưng	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
+ Cty CP Quản lý Việt Hưng (4)	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-	-
+ Trái phiếu NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Chợ Lớn (5)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-	-
+ Trái phiếu NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc HCM (5)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-	-
Cộng	1.000.352.108.000	-	1.000.352.108.000	609.396.108.000	-	609.396.108.000

Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020, Công ty không tiến hành đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng.

Thông tin bổ sung về các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

- (1) Trong năm, Công ty CP Thương mại Dịch vụ Du lịch C.T.C đã phát hành thêm 2.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng theo Nghị quyết số 03/2020/QĐ-CTC ngày 18/05/2020. Công ty đã mua bổ sung 1.996.000 cổ phần với giá trị là 19.960.000.000 đồng. Khoản tăng vốn đầu tư này đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-VPH ngày 18/05/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

- (2) Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng 55% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư TM DV An Hưng cho đối tác là Công ty TNHH Lotte Land.
- (3) Ngày 07/01/2020, Công ty đã chuyển 21.496.000.000 đồng để mua 2.149.600 cổ phần của Công ty CP Bất động sản Nhà Bè, sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua tại Nghị quyết số 01A/2020/NQ-VPH ngày 03/01/2020, nâng số cổ phần sở hữu lên 4.950.000 cổ phần, tương đương 99% vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

Tháng 6/2020, Công ty CP Bất động sản Nhà Bè đã tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2020/NQ-NBL ngày 11/06/2020, trong đó Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng đăng ký mua 34.650.000 cổ phần, trị giá 346.500.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã thanh toán toàn bộ 346.500.000.000 đồng, nâng tổng số cổ phần sở hữu lên 39.600.000 cổ phần, tương đương 99% vốn điều lệ.

- (4) Ngày 05/03/2020, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Quản lý Việt Hưng cho Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn với giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng. Việc thoái vốn đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-VPH ngày 05/03/2020.
- (5) Thông tin chi tiết trái phiếu như sau:

	Mệnh giá VND/TrP	Số lượng TrP	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất
- Trái phiếu NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Chợ Lớn	1.000.000	3.000	24/09/2019	7 năm	lãi suất tham chiếu + 1,2%
- Trái phiếu NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc HCM	1.000.000	2.000	24/09/2019	7 năm	lãi suất tham chiếu + 1,2%

Các trái phiếu này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Nam Sài Gòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin bổ sung về công ty con, công ty liên kết	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP TM DV Du lịch C.T.C	8.982.000	99,80%	99,80%	6.986.000	99,80%	99,80%
Cty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình	1.980.000	99,00%	99,00%	1.980.000	99,00%	99,00%
Công ty CP Đầu tư TM DV An Hưng	26.730.000	99,00%	99,00%	26.730.000	99,00%	99,00%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	39.600.000	99,00%	99,00%	2.800.400	98,25%	98,25%
Công ty CP Xây dựng Thuận Hưng	1.600.000	40,00%	40,00%	1.600.000	40,00%	40,00%

Thông tin bổ sung về công ty con, công ty liên kết (tiếp)	Vốn điều lệ tại 31/12/2020	Vốn thực góp tại 31/12/2020	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP TM DV Du lịch C.T.C	90.000.000.000	90.000.000.000	89 Hoàng Quốc Việt, P. Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	Kinh doanh bất động sản; cho thuê kho bãi, xây dựng dân dụng
Cty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình	20.000.000.000	20.000.000.000	Ấp 1, Xã Đa Phước, H. Bình Chánh, TP.HCM	Bán buôn đất bùn làm phân vi sinh và xử lý chất thải rắn, lỏng; Mua bán phân bón hữu cơ; Dịch vụ địa táng, hỏa táng, nhà tang lễ, trông coi nghĩa trang, xây mộ
Công ty CP Đầu tư TM DV An Hưng	290.000.000.000	270.000.000.000	15 Hoàng Quốc Việt, P. Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	400.000.000.000	400.000.000.000	Tầng 1, Tulip Tower, 15 Hoàng Quốc Việt, P. Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Thuận Hưng	40.000.000.000	40.000.000.000	89 Hoàng Quốc Việt, P. Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường; kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước,
KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.424.969.415	8.424.969.415
Cộng	8.424.969.415	8.424.969.415

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

Tình hình biến động tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.424.969.415	8.657.718.343
Tăng trong năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	(232.748.928)
Số dư cuối năm	8.424.969.415	8.424.969.415

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.351.515.445	2.351.515.445	2.415.878.662	2.415.878.662
- Ông bà Hồ Văn Xuân và Phạm Thị Hoa	605.000.000	605.000.000	605.000.000	605.000.000
- Ông bà Lê Văn Nhiều và Võ Thị Còn	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
- Ông bà Phạm Văn Nghiệp và Võ Thị Hết	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
- Phải trả người bán khác	646.515.445	646.515.445	710.878.662	710.878.662
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	17.938.000	17.938.000	72.628.000	72.628.000
- Cty CP Quản lý Việt Hưng	-	-	54.690.000	54.690.000
- Cty Cổ Phần Bất Động Sản Sài Gòn Mới	17.938.000	17.938.000	17.938.000	17.938.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HÙNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước,
KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Khách mua nền Nhơn Đức	917.133.037	1.453.405.283
Khách mua nền Phú Mỹ	7.766.363.644	8.311.818.190
Khách mua nền Phú Thuận	5.363.636.369	5.636.363.642
Khách mua nền Phú Xuân	98.006.727.368	91.954.545.544
Khách mua nền Phú Xuân 2	9.818.181.828	9.636.363.646
Khách mua dự án Hoàng Quốc Việt	2.140.272.840	-
Cộng	124.012.315.086	116.992.496.305

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	522.984.489	16.281.024.770	11.686.410.242	5.117.599.017
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.760.719.728	11.578.310.381	6.760.719.729	11.578.310.380
- Thuế thu nhập cá nhân	330.636.973	2.251.389.256	2.242.689.725	339.336.504
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	2.803.481.439	785.282.209	785.282.209	2.803.481.439
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	23.934.227	23.934.227	-
Cộng	10.417.822.629	30.919.940.843	21.499.036.132	19.838.727.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Chi phí dự án phải trả	56.125.274.136	55.946.604.912
- Chi phí phải trả dự án Nhơn Đức	18.386.973.662	17.326.206.186
- Chi phí phải trả dự án dân cư Phú Xuân 2	25.321.810.128	25.321.810.128
- Chi phí phải trả dự án dân cư Phú Mỹ	5.430.339.517	5.430.339.517
- Chi phí phải trả dự án dân cư Phú Xuân	6.522.507.182	6.522.507.182
- Chi phí phải trả dự án khác	463.643.647	1.345.741.899
Chi phí lãi vay, lãi phạt chậm thanh toán	4.528.001.045	6.083.552.627
- Công ty CP Xây dựng Thuận Hưng	1.488.180.833	4.227.121.396
- Công ty CP TM DV Du lịch C.T.C	1.154.461.112	234.438.889
- Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	218.493.057	135.000.000
- Công ty CP Quản lý Việt Hưng	901.481.944	531.607.222
- Ông Trần Ngọc Nam	245.614.035	245.614.035
- Công ty CP Tấn Lực	199.473.334	-
- Công ty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình	71.738.888	-
- Chi phí lãi vay phải trả khác	248.557.842	709.771.085
Chi phí phải trả khác	195.000.000	190.000.000
Cộng	60.848.275.181	62.220.157.539

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	164.446.769.478	301.993.992.365
- Kinh phí công đoàn	15.120.000	11.636.000
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BH thất nghiệp	1.490.000	3.220.953
- Phải trả tiền mượn	30.900.000.000	28.950.000.000
+ Cty CP Đầu tư TM DV An Hưng	-	25.750.000.000
+ Cty CP Xây dựng Thuận Hưng	20.000.000.000	-
+ Cty CP Quản lý Việt Hưng	-	3.200.000.000
+ Bà Võ Thúy Anh	5.900.000.000	-
+ Cty Cổ Phần Bất Động Sản Sài Gòn Mới	5.000.000.000	-
- Quỹ học bổng giáo dục Mekong	474.230.650	1.531.730.650
- Phải trả, phải nộp khác	818.425.731	1.788.031.225
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	132.237.503.097	269.709.373.537
+ Công ty Cổ phần An Gia Phú Thịnh	131.277.003.097	268.678.873.537
+ Các đối tượng khác	960.500.000	1.030.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn	125.400.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.700.000.000	-
+ Công ty CP TM DV Du lịch C.T.C (1)	11.700.000.000	-
- Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	113.700.000.000	-
+ Công ty CP TM DV Du lịch C.T.C (2)	113.700.000.000	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	289.846.769.478	301.993.992.365

- (1) Theo Hợp đồng đặt cọc mượn tài sản số 001-2020/HĐMTS ký ngày 18/05/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần TM DV Du lịch C.T.C, Công ty cho mượn các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với tổng giá trị do hai bên thỏa thuận là 39 tỷ đồng để Công ty Cổ phần TM DV Du lịch C.T.C dùng vào mục đích vay vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 02 năm. Giá trị nhận ký quỹ ký cược tại ngày 31/12/2020 là khoản đặt cọc đảm bảo cho việc mượn tài sản nêu trên.
- (2) Đây là khoản vốn góp đợt 1 theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2020/HĐHT-CTC-VPH ngày 01/06/2020 với Công ty Cổ phần TM DV Du lịch C.T.C về việc hợp tác đầu tư khu đất 4,1 ha tại Xã Long Tân, H. Nhơn Trạch, Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2020		Trong năm		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
a. Vay ngắn hạn ngân hàng	120.000.000.000	120.000.000.000	33.156.895.865	25.500.000.000	112.343.104.135	112.343.104.135
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Chợ Lớn (1)	120.000.000.000	120.000.000.000	33.156.895.865	10.500.000.000	97.343.104.135	97.343.104.135
- Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
b. Vay ngắn hạn tổ chức (2)	89.378.000.000	89.378.000.000	287.675.000.000	302.640.000.000	104.343.000.000	104.343.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Hưng	37.170.000.000	37.170.000.000	81.950.000.000	61.680.000.000	16.900.000.000	16.900.000.000
- Cty Cổ phần TM DV Du lịch C.T.C	3.150.000.000	3.150.000.000	49.900.000.000	56.400.000.000	9.650.000.000	9.650.000.000
- Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	50.000.000	50.000.000	24.500.000.000	51.950.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
- Công ty CP Đầu tư TM DV An Hưng	-	-	59.990.000.000	59.990.000.000	-	-
- Công ty CP Tấn Lực	8.135.000.000	8.135.000.000	8.135.000.000	-	-	-
- Công ty CP Quản lý Việt Hưng	38.743.000.000	38.743.000.000	63.200.000.000	71.350.000.000	46.893.000.000	46.893.000.000
- Cty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình	2.130.000.000	2.130.000.000	-	1.270.000.000	3.400.000.000	3.400.000.000
c. Vay ngắn hạn cá nhân (3)	98.066.000.000	98.066.000.000	74.678.615.212	34.510.915.212	57.898.300.000	57.898.300.000
- Bà Phan Tiết Hồng Hà	26.714.000.000	26.714.000.000	33.480.000.000	7.666.000.000	900.000.000	900.000.000
- Ông Trần Ngọc Nam	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
- Bà Trương Thị Ngọc Lành	9.700.000.000	9.700.000.000	10.000.000.000	300.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Tấn Bền	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Bà Hoàng Thị Thu Thủy	6.746.000.000	6.746.000.000	14.291.615.212	8.220.615.212	675.000.000	675.000.000
- Bà Phạm Nguyễn Anh Thư	1.786.000.000	1.786.000.000	4.730.000.000	4.544.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
- Bà Phạm Thị Ngọc Thúy	2.000.000.000	2.000.000.000	70.000.000	300.000.000	2.230.000.000	2.230.000.000
- Các cá nhân khác	6.120.000.000	6.120.000.000	12.107.000.000	13.480.300.000	7.493.300.000	7.493.300.000
Cộng	307.444.000.000	307.444.000.000	395.510.511.077	362.650.915.212	274.584.404.135	274.584.404.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng Số 6220-LAV-201900966/HĐTD và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng Số 6220-LAV-201900966/1, hạn mức 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất: 8,5% và được điều chỉnh cụ thể theo từng Giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp Số 6220-LCL-201800482, Số 6220-LCL-201901045, Số 6220-LCL_201901049, Số 6220-LCL-201901038, Số 6220-LCL-201901052.

(2) Các khoản vay tổ chức là các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động, không có tài sản đảm bảo. Thông tin chi tiết như sau:

STT	Bên cho vay (tổ chức)	Số hợp đồng	Ngày vay	Hạn mức	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Hưng	06/HĐVV/2019	26/06/2019	45.000.000.000	9,00%	12 tháng
		01/HĐVV/TH-2020	02/11/2020	30.000.000.000	6,00%	12 tháng
2	Công ty Cổ phần TM DV Du lịch C.T.C	05/HĐVV/2018	24/05/2018	20.700.000.000	9,50%	12 tháng
3	Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	09/HĐVV/2020	01/09/2020	3.000.000.000	10,00%	12 tháng
4	Công ty CP Quản lý Việt Hưng	08/HĐVV/2019	19/11/2019	50.000.000.000	10,00%	12 tháng
5	Cty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình	10/HĐVV/2017 và các Phụ lục	08/11/2017	5.800.000.000	10,00%	12 tháng
6	Công ty CP Tấn Lực	01/HĐCV/2020-TL	18/03/2020	8.135.000.000	6,00%	12 tháng

(3) Thông tin chi tiết các khoản vay cá nhân như sau:

STT	Bên cho vay (cá nhân)	Số hợp đồng	Ngày vay	Hạn mức	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
1	Bà Phạm Nguyễn Anh Thu	04/HĐVV/2019 & PL 01, 02	06/03/2019	2.000.000.000	12,00%	12 tháng
2	Bà Trần Thị Thu Tiên	13/HĐVV/2018	13/11/2018	500.000.000	12,00%	12 tháng
3	Bà Hoàng Thị Thu Thủy	15/HĐVV/2020	31/12/2020	8.000.000.000	12,00%	12 tháng
		16/HĐVV/2020	31/12/2020	8.000.000.000	12,00%	12 tháng
4	Bà Lê Thị Ngọc Lan	08/HĐVV/2020	30/06/2020	1.000.000.000	12,00%	12 tháng
5	Bà Võ Thị Hồng Phước	12/HĐVV/2020	08/12/2020	300.000.000	12,00%	12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)**

STT	Bên cho vay (cá nhân) (tiếp)	Số hợp đồng	Ngày vay	Hạn mức	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
6	Bà Phan Tiết Hồng Hà	07/HĐVV/2018	23/07/2018	900.000.000	12,00%	12 tháng
		07/HĐVV/2020	10/06/2020	30.000.000.000	12,00%	12 tháng
		11/HĐVV/2020	07/12/2020	3.480.000.000	12,00%	12 tháng
7	Ông Nguyễn Tấn Bền	03/HĐVV/2019	05/03/2019	5.000.000.000	12,00%	12 tháng
8	Bà Phạm Thị Ngọc Thúy	09/HĐVV/2015	07/12/2015	1.500.000.000	12,00%	12 tháng
9	Ông Trần Ngọc Nam (*)	10/HĐVV/2015	18/12/2015	70.000.000.000	15,00%	12 tháng
10	Bà Trương Thị Ngọc Lành	06/HĐVV/2020	30/03/2020	10.000.000.000	12,00%	12 tháng
11	Bà Chế Thị Lư	13/HĐVV/2020	31/12/2020	3.000.000.000	12,00%	12 tháng
12	Ông Nguyễn Đức Hiếu	10/HĐVV/2020	02/11/2020	1.000.000.000	12,00%	12 tháng
13	Ông Võ Thanh Tùng	14/HĐVV/2020	31/12/2020	2.000.000.000	12,00%	12 tháng

(*) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, mục đích để bổ sung vốn lưu động. Riêng khoản vay Ông Trần Ngọc Nam để thực hiện đầu tư dự án Khu dân cư Nhơn Đức mở rộng, tài sản đảm bảo là 3 nền đất thuộc dự án Khu phức hợp La Casa do Công ty CP Vạn Phát Hưng làm chủ đầu tư theo các hợp đồng mua bán từ số 15/VHTĐT/NĐ-LCS đến số 17/VHTĐT/NĐ-LCS ngày 18/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2019	768.787.220.000	1.380.831.784	287.738.785.382	1.057.906.837.166
- Lợi nhuận trong năm	-	-	55.283.430.929	55.283.430.929
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	178.930.260.000	-	(178.930.260.000)	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(60.682.650.700)	(60.682.650.700)
- Trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát bằng cổ phiếu	5.860.520.000	-	(5.860.520.000)	-
- Trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát bằng tiền	-	-	(5.860.520.000)	(5.860.520.000)
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(378.567.658)	-	(378.567.658)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.011.339.711)	(1.011.339.711)
Tại 31/12/2019	953.578.000.000	1.002.264.126	90.676.925.900	1.045.257.190.026
Tại 01/01/2020	953.578.000.000	1.002.264.126	90.676.925.900	1.045.257.190.026
- Lợi nhuận năm nay	-	-	33.932.441.341	33.932.441.341
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(678.648.827)	(678.648.827)
Tại 31/12/2020	953.578.000.000	1.002.264.126	123.930.718.414	1.078.510.982.540

(*) Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 05/2020/NQ-VPH ngày 07/05/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Võ Anh Tuấn	11,01%	105.034.630.000	11,01%	105.034.630.000
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	10,72%	102.213.560.000	10,72%	102.213.560.000
Bà Phan Tiết Hồng Minh	6,94%	66.191.380.000	6,94%	66.191.380.000
Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	5,14%	48.969.810.000	5,14%	48.969.810.000
Bà Võ Phan Hồng Ngọc	5,09%	48.556.560.000	5,09%	48.556.560.000
Ông Võ Phan Khôi Nguyễn	5,09%	48.556.560.000	5,09%	48.556.560.000
Các cổ đông khác	56,01%	534.055.500.000	56,01%	534.055.500.000
Cộng	100%	953.578.000.000	100%	953.578.000.000

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	953.578.000.000	768.787.220.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	184.790.780.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	953.578.000.000	953.578.000.000
Cổ tức đã chia bằng tiền	-	60.682.650.700
Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu	-	178.930.260.000

25.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	95.357.800	95.357.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và góp vốn đầy đủ	95.357.800	95.357.800
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	95.357.800	95.357.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.357.800	95.357.800
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	95.357.800	95.357.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

26. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a. Tổng Doanh thu	273.818.705.165	158.901.115.557
- Doanh thu bán bất động sản	242.331.830.140	124.960.011.975
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.283.593.659	3.643.439.489
- Doanh thu hoạt động xây dựng	26.203.281.366	30.297.664.093
b. Doanh thu với các bên liên quan	960.137.934	136.909.091
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Hưng	960.137.934	136.909.091
c. Các khoản giảm trừ doanh thu	9.078.156.889	-
- Hàng bán bị trả lại	9.078.156.889	-

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	sau hồi tố VND
Giá vốn bán bất động sản	128.901.931.322	35.613.488.183
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.358.280.405	3.082.702.263
Giá vốn hoạt động xây dựng	26.203.281.364	30.297.664.093
Cộng	157.463.493.091	68.993.854.539

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.444.512	454.313.963
Lãi cho vay	1.790.536.245	-
Lãi trái phiếu	392.199.391	110.444.444
Cộng	2.199.180.148	564.758.407

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	29.533.296.343	10.850.989.980
Chiết khấu thanh toán	1.195.768.000	-
Lỗ thanh lý đầu tư	129.839	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(64.339)	(107.863.380)
Chi phí tài chính khác	-	305.857.480
Cộng	30.729.129.843	11.048.984.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>32.176.713.040</i>	<i>34.005.146.695</i>
Chi phí nhân viên quản lý	18.230.730.961	19.202.479.316
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	965.280.825	999.105.270
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.109.615.053	4.042.163.931
Thuế, phí và lệ phí	3.887.220	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.162.532.894	5.840.719.956
Chi phí bằng tiền khác	4.704.666.087	3.917.678.222
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>654.718.269</i>	-
Chi phí hoa hồng môi giới	654.718.269	-

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi thanh lý hợp đồng mua QSD đất	-	14.913.882.943
Tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	1.854.356.600	3.023.045.000
Thu nhập khác	282.034.535	10.705.701.802
Cộng	2.136.391.135	28.642.629.745

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	sau hồi tố VND
Tiền phạt thanh lý hợp đồng	1.770.200.000	-
Tiền phạt thuế	771.113.594	2.357.605.302
Chi phí khác	-	131.002.804
Cộng	2.541.313.594	2.488.608.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	sau hồi tố VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.510.751.722	71.571.910.289
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	12.380.800.183	8.706.741.874
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	12.380.800.183	9.280.241.874
+ Chi phí không được trừ	9.190.463.083	9.280.241.874
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 132	3.190.337.100	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	(573.500.000)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	57.891.551.905	80.278.652.163
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.578.310.381	16.055.730.432

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	28.821.391.163	11.223.686.641
Chi phí nhân công	17.409.847.537	18.852.500.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.973.917.724	4.999.533.987
Thuế, phí và lệ phí	14.168.615	78.202.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.589.876.894	8.103.520.241
Chi phí bằng tiền khác	2.703.569.423	5.552.702.992
Cộng	62.512.771.356	48.810.146.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP TM DV Du lịch C.T.C	Công ty con
Công ty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình	Công ty con
Công ty CP Đầu tư TM DV An Hưng	Công ty con
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	Công ty con
Công ty CP Xây dựng Thuận Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Sài Gòn Mới	Cty liên quan thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Tấn Lực	Công ty liên kết của Công ty C.T.C
Ông Võ Anh Tuấn	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Trương Thành Nhân	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Phan Tiết Hồng Hà	Cá nhân liên quan thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
1. Cty CP TM DV Du lịch C.T.C		
- Lãi tiền đi vay	1.778.027.764	906.181.249
- Trả tiền lãi vay	858.005.541	-
- Mượn tiền	3.000.000.000	1.400.000.000
- Vay tiền	49.900.000.000	10.000.000.000
- Trả tiền gốc vay	56.400.000.000	-
- Thu từ hợp tác kinh doanh	113.700.000.000	-
- Góp vốn	19.960.000.000	-
- Thu tiền ký quỹ	11.700.000.000	-
- Trả tiền mượn	3.000.000.000	1.400.000.000
- Thu hộ và chi hộ	13.918.396	-
2. Cty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình		
- Lãi tiền đi vay	292.486.111	397.111.113
- Trả tiền gốc vay	1.270.000.000	-
- Trả tiền lãi vay	220.747.223	-
- Thu hộ và chi hộ	77.077.246	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
3. Cty CP Đầu tư TM DV An Hưng		
- Mượn tiền	-	28.000.000.000
- Trả lại tiền mượn	25.750.000.000	-
- Góp vốn	-	118.800.000.000
- Cho mượn tiền	12.079.148.000	-
- Thu lại tiền cho mượn	12.079.148.000	-
- Vay tiền	59.990.000.000	-
- Trả tiền gốc vay	59.990.000.000	-
- Lãi tiền đi vay	1.483.686.305	-
- Trả tiền lãi vay	1.483.686.305	-
- Lãi tiền cho vay	89.444.445	-
4. Cty CP Bất động sản Nhà Bè		
- Vay tiền	24.500.000.000	-
- Trả tiền gốc vay	51.950.000.000	-
- Lãi tiền đi vay	1.459.673.612	-
- Trả tiền lãi vay	1.376.180.555	-
- Góp vốn	367.996.000.000	-
5. Cty CP Xây dựng Thuận Hưng		
- Cung ứng dịch vụ	960.137.934	136.909.091
- Mua dịch vụ	27.159.908.800	4.021.565.449
- Thanh toán dịch vụ	10.159.908.800	-
- Thu hoàn trả tiền dịch vụ đã ứng	350.289.905	-
- Lãi tiền đi vay	2.115.789.166	7.008.454.730
- Mượn tiền	20.000.000.000	36.520.000.000
- Vay tiền	81.950.000.000	26.000.000.000
- Trả tiền gốc vay	61.680.000.000	-
- Trả tiền lãi vay	4.854.729.729	-
- Thu hộ và chi hộ	19.968.000	-
6. Công ty CP Tấn Lực		
- Vay tiền	8.135.000.000	-
- Lãi tiền đi vay	391.835.834	-
- Trả tiền lãi vay	192.362.500	-
7. Ông Võ Anh Tuấn		
- Mượn tiền	-	10.482.820.000
- Trả tiền mượn	-	10.482.820.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
8. Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn		
- Tạm ứng	900.000.000	38.208.438.000
- Hoàn tạm ứng	15.034.468.000	44.397.270.000
- Cho mượn tiền	8.000.000.000	1.300.000.000
- Thu lại tiền mượn	8.000.000.000	1.200.000.000
- Cung cấp dịch vụ	-	912.691.818
- Chuyển nhượng khoản đầu tư	2.000.000.000	-
- Nhận tiền chuyển nhượng khoản đầu tư	2.000.000.000	-
9. Bà Nguyễn Thị Hương Thảo		
- Thu tiền bán hàng	153.656.800	-
- Cho mượn tiền	6.960.000.000	-
- Thu lại tiền mượn	6.960.000.000	-
- Hoàn tạm ứng	17.468.800.000	66.217.731.642
10. Bà Hoàng Thị Thu Thủy		
- Vay tiền	14.291.615.212	3.445.000.000
- Trả tiền gốc vay	8.220.615.212	4.475.000.000
- Lãi tiền đi vay	386.151.702	238.560.726
- Trả tiền lãi vay	438.483.813	238.560.726
11. Bà Phan Tiết Hồng Hà		
- Vay tiền	33.480.000.000	-
- Trả tiền gốc vay	7.666.000.000	-
- Lãi tiền đi vay	1.982.621.973	-
- Trả tiền lãi vay	1.933.346.691	-
12. Ông Trương Thành Nhân		
- Hoàn tạm ứng	-	1.707.582.264
- Cho mượn tiền	-	600.000.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
1. Cty CP TM DV Du lịch C.T.C		
- Lãi vay phải trả	1.154.461.112	234.438.889
- Phải trả hợp tác kinh doanh	113.700.000.000	-
- Phải trả tiền vay	3.150.000.000	9.650.000.000
- Nhận ký quỹ ký cược	11.700.000.000	-
2. Cty CP DV Môi trường Đô thị Hòa Bình		
- Phải trả tiền vay	2.130.000.000	3.400.000.000
- Lãi vay phải trả	71.738.888	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
3. Cty CP Đầu tư TM DV An Hưng		
- Phải thu gốc cho vay	9.600.000.000	-
- Phải thu lãi cho vay	89.444.445	-
- Phải trả tiền mượn	-	25.750.000.000
4. Cty CP Bất động sản Nhà Bè		
- Lãi vay phải trả	218.493.057	135.000.000
- Phải trả tiền vay	50.000.000	27.500.000.000
5. Cty CP Xây dựng Thuận Hưng		
- Ứng trước tiền hàng	3.000.000.000	20.350.289.905
- Lãi vay phải trả	1.488.180.833	4.227.121.396
- Phải trả tiền mượn	20.000.000.000	-
- Phải trả tiền vay	37.170.000.000	16.900.000.000
- Phải thu tiền hàng	976.951.727	52.800.000
6. Công ty CP Tấn Lực		
- Lãi vay phải trả	199.473.334	-
- Phải trả tiền vay	8.135.000.000	-
- Phải thu khác	-	-
7. Công ty CP Bất động sản Sài Gòn Mới		
- Phải trả tiền hàng	17.938.000	17.938.000
- Phải trả tiền mượn	5.000.000.000	-
8. Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn		
- Phải thu tiền hàng	1.765.267.000	1.765.267.000
- Tạm ứng	24.234.374.620	38.368.842.620
9. Bà Nguyễn Thị Hương Thảo		
- Phải thu tiền hàng	76.835.300	230.492.100
- Tạm ứng	34.237.675.000	51.706.475.000
- Phải thu khác	-	-
10. Bà Hoàng Thị Thu Thủy		
- Lãi vay phải trả	2.367.017	54.699.128
- Phải trả tiền vay	6.746.000.000	675.000.000
11. Bà Phan Tiết Hồng Hà		
- Phải thu tiền hàng	2.668.820.000	2.668.820.000
- Phải trả tiền vay	26.714.000.000	900.000.000
- Lãi vay phải trả	79.837.788	30.562.506

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước,
KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị**

		Năm 2020		Năm 2019	
		Bảng tiền VND	Bảng tiền VND	Bảng tiền VND	Bảng cổ phiếu VND
a. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		5.267.800.000	3.478.113.648		-
- Ông Trương Thành Nhân	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	2.018.900.000	-		-
- Ông Võ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	363.300.000	1.747.600.000		-
- Bà Trần Thu Oanh	Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	252.250.000		-
- Bà Đặng Thanh Huyền	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	181.900.000		-
- Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	915.200.000	805.100.000		-
- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	1.065.200.000	391.243.478		-
- Bà Nguyễn Duy Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	905.200.000	100.020.170		-
b. Thù lao của Hội đồng Quản trị		-	5.500.520.000	5.500.520.000	
- Ông Võ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	2.030.260.000	2.030.260.000	
- Ông Trương Thành Nhân	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	2.030.260.000	2.030.260.000	
- Bà Trần Thu Oanh	Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	360.000.000	360.000.000	
- Bà Đặng Thanh Huyền	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	360.000.000	360.000.000	
- Ông Võ Nguyễn Như Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	360.000.000	360.000.000	
- Ông Vũ Ngọc Nam	Giám đốc tài chính kiêm TV HĐQT	-	360.000.000	360.000.000	
Tổng cộng		5.267.800.000	8.978.633.648	5.500.520.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

36.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

37. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 10/09/2020 cho năm tài chính 2017, 2018, 2019, và Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 3717/QĐ-CT do Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh ban hành ngày 29/09/2020, số tiền truy thu thuế GTGT là 522.984.489 đồng và thuế TNDN là 1.884.100.641 đồng, do điều chỉnh giảm giá vốn dự án Nhơn Đức 9,33 ha năm 2018 và 2019 với giá trị lần lượt là 5.926.293.858 đồng và 4.032.229.556 đồng, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2018 và 2019.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước,
KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

37. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)

Chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019	Mã số	Số kiểm toán 31/12/2019 VND	Số điều chỉnh hồi tố năm 2019 VND	Ảnh hưởng điều chỉnh hồi tố năm 2018 VND	Số sau điều chỉnh 31/12/2019 VND
Bảng cân đối kế toán					
Hàng tồn kho	141	459.819.045.422	5.926.293.858	4.032.229.556	469.777.568.836
Thuế GTGT được khấu trừ	152	34.440.575	(15.035.719)	-	19.404.856
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8.010.737.499	1.194.812.761	1.212.272.369	10.417.822.629
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	83.140.523.335	4.716.445.378	2.819.957.187	90.676.925.900
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	33.584.877.495	-	2.819.957.187	36.404.834.682
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	49.555.645.840	4.716.445.378	-	54.272.091.218

Chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019	Mã số	Số kiểm toán năm 2019 VND	Số điều chỉnh hồi tố năm 2019 VND	Số sau điều chỉnh năm 2019 VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	74.920.148.397	(5.926.293.858)	68.993.854.539
Chi phí khác	32	2.457.870.970	30.737.136	2.488.608.106
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	65.676.353.567	5.895.556.722	71.571.910.289
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.876.619.088	1.179.111.344	16.055.730.432
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	50.566.985.551	4.716.445.378	55.283.430.929

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

MB.105 tầng 1, Trung tâm dịch vụ, Lô DV-3, đường Long Hậu - Hiệp Phước,
KCN Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

37. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)

Chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019	Mã số	Số kiểm toán năm 2019 VND	Ảnh hưởng điều chỉnh hồi tố năm 2018, 2019 VND	Số sau điều chỉnh năm 2019 VND
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	65.676.353.567	5.895.556.722	71.571.910.289
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	80.854.255.747	5.895.556.722	86.749.812.469
Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	307.833.377.604	15.035.719	307.848.413.323
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	77.412.863.391	(1.894.064.302)	75.518.799.089
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(91.908.284.547)	(4.016.528.139)	(95.924.812.686)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Ngoài việc điều chỉnh hồi tố như được nêu ở mục 37 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với nội dung tài khoản, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại ngày 31/12/2019 đã kiểm toán VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 01/01/2020 sau phân loại VND
Chứng khoán kinh doanh	121	1.440.929.839	5.000.000.000	6.440.929.839
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	2.098.480.658	(2.098.480.658)	-
Phải thu dài hạn khác	216	48.032.104	2.098.480.658	2.146.512.762

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Luyến

Tổng Giám đốc



Trương Thành Nhân

